

Số: 17/2021 /BTT-MAC
(V/việc: Công bố BCTC soát xét 2021)

Hải phòng, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật Hàng Hải.
2. Mã chứng khoán: MAC.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0225.3766561 Fax: 0225.3765671.
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Trịnh Thị Thu Trang.
6. Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường theo yêu cầu
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính soát xét 2021.
 - Bản giải trình chênh lệch số liệu.
8. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/10/2021 tại đường dẫn: maserco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

- Tài liệu đính kèm:
 - BCTC
 - Giải trình số liệu



Trịnh Thị Thu Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG
VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải 1, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14, tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200563063, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp bổ sung 16 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 ngày 07 tháng 05 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : (0225) 3766.561
- Fax : (0225) 3765.671

Công ty có Chi nhánh đặt tại địa chỉ số 97/48 khu phố 5, đường Số 8, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty gồm:

- Dịch vụ giao nhận hàng hoá, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hoá; Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
Ông Trần Việt Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Mỹ Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Đỗ Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Phúc Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Việt Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Lê Thị Hoàng Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Trịnh Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thị Kim Ngân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
Bà Trần Thanh Nhân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2017
Ông Đặng Mỹ Dương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Cường (đến ngày 06 tháng 5 năm 2021) và Bà Trần Thị Kim Ngân (từ ngày 07 tháng 5 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Số: 2.0003/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 10 năm 2021, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Phụ lục số 08/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 31/12/2020 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC ngày 22/04/2015 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi thỏa thuận 2 bên sẽ hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác, Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi (Chi tiết xem thuyết minh số V.6b). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định được doanh thu và chi phí phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh này và ảnh hưởng (nếu có) đến Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2020 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 23 tháng 3 năm 2021 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày **12** tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.664.729.929	99.307.343.882
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.563.960.406	8.958.328.543
1. Tiền	111		14.563.960.406	6.958.328.543
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.826.591.186	67.463.555.006
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	47.275.516.494	60.687.364.198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.339.069.921	5.355.898.017
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	574.531.225	787.261.606
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	22.509.303.069	25.828.156.145
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.871.829.523)	(25.195.124.960)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		15.770.526.059	19.277.549.589
1. Hàng tồn kho	141	V.8	15.770.526.059	19.277.549.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		503.652.278	607.910.744
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	428.902.202	586.295.089
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	74.750.076	21.615.655
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.559.173.265	104.712.849.541
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.070.360.000	35.053.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	35.070.360.000	35.053.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.955.884.388	32.605.786.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	26.929.910.388	30.380.906.304
<i>Nguyên giá</i>	222		65.541.576.474	66.994.014.577
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.611.666.086)	(36.613.108.273)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.025.974.000	2.224.880.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.662.692.000	2.662.692.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(636.718.000)	(437.812.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	1.068.000.000	1.347.638.346
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.068.000.000	1.347.638.346
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		34.714.061.984	34.670.245.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	34.327.924.662	34.327.924.662
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(613.862.678)	(657.679.412)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		750.866.893	1.035.979.641
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	750.866.893	1.035.979.641
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.223.903.194	204.020.193.423

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		48.392.191.989	49.355.126.765
I. Nợ ngắn hạn	310		48.392.191.989	49.355.126.765
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14.390.971.055	10.817.539.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.958.918	10.129.702
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.268.621.238	1.943.532.178
4. Phải trả người lao động	314		633.279.188	1.956.999.953
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.246.173.257	632.285.788
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	21.725.304.945	22.499.599.212
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	7.434.058.612	10.516.613.340
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	666.824.776	978.426.986
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.831.711.205	154.665.066.658
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	148.831.711.205	154.665.066.658
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.397.450.000	151.397.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.397.450.000	151.397.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(643.572.900)	(643.572.900)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.692.992.406	14.358.670.416
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		22.862.255	22.862.255
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.638.020.556)	(10.470.343.113)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(11.138.987.093)	(10.470.343.113)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.499.033.463)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.223.903.194	204.020.193.423

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2021



Trần Thị Kim Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.071.390.974	51.850.998.901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.071.390.974	51.850.998.901
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.458.150.441	46.043.891.700
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.613.240.533	5.807.107.201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	319.686.650	463.783.635
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	566.918.999	1.470.744.213
Trong đó: chi phí lãi vay	23		381.768.963	971.031.477
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	251.739.775	264.896.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.308.035.823	8.171.866.249
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.193.767.414)	(3.636.616.026)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	251.412.029	175.800.794
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.556.678.078	19.947.297
13. Lợi nhuận khác	40		(1.305.266.049)	155.853.497
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.499.033.463)	(3.480.762.529)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.499.033.463)	(3.480.762.529)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(363)	(241)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(363)	(241)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2021



Giám đốc

Trần Thị Kim Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.499.033.463)	(3.480.762.529)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10, 11	2.886.608.918	2.792.800.185
- Các khoản dự phòng	03	1.035.798.151	2.612.529.681
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	228.966.770	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	885.288.582	(462.941.835)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	381.768.963	971.031.477
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(80.602.079)	2.432.656.979
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.103.466.265	7.380.568.122
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.507.023.530	3.316.693.511
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.558.290.700	(4.237.807.537)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	442.505.635	627.517.838
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(392.131.938)	(977.973.522)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(125.000.000)	(650.657.878)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(645.924.200)	(287.814.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.367.627.913	7.603.183.113
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21 V.12	(457.328.525)	(983.385.240)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	303.416.432	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	50.000.000	(1.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	266.541.837	70.163.550
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.498.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.227.856.315	120.049.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.390.486.059	(1.891.673.723)

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	18.279.019.827	36.617.910.119
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(21.361.574.555)	(43.341.628.966)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.569.872.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.082.554.728)	(14.293.591.347)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.675.559.244	(8.582.081.957)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	8.958.328.543	20.518.230.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(69.927.381)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	14.563.960.406	11.936.149.001

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2021

Giám đốc



Trần Thị Kim Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty miễn nhiệm 3/8 thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27 tháng 4 năm 2021. Công ty có sự thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty từ ngày 05 tháng 5 năm 2021, thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ngày 07 tháng 5 năm 2021.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 97/48 khu phố 5, Đường Số 8, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 138 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 263 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Tiền bảo hiểm trả trước cho thời gian bảo hiểm mà Công ty được hưởng. Tiền bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định khác	10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hoá, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hoá; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	87.910.985	145.927.302
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.476.049.421	6.812.401.241
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	2.000.000.000
Cộng	14.563.960.406	8.958.328.543

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn – Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	3.000.000.000
Dài hạn – Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng, đã được cầm cố cho khoản vay tại cùng ngân hàng.

(ii) Là trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, đã được cầm cố cho khoản vay tại cùng ngân hàng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Hải Minh	786.585.670	-	786.585.670	(43.816.734)
Công ty Cổ phần Vạn tải và Xếp dỡ Hải An	1.498.188.992	-	1.498.188.992	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	81.600.000	-	81.600.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	300.000.000	(13.862.678)	300.000.000	(13.862.678)
Công ty Cổ phần Cảng Mippec	29.275.500.000	-	29.275.500.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco	886.050.000	-	886.050.000	-
Cộng	34.327.924.662	(613.862.678)	34.327.924.662	(657.679.412)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Hải Minh	62.417	0,47%	62.417	0,47%
Công ty Cổ phần Vạn tải và Xếp dỡ Hải An	200.001	0,41%	200.001	0,41%
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	9.000	1,88%	9.000	1,88%

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais	60.000	18,18%	60.000	18,18%
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	4.800	0,11%	4.800	0,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	30.000	15,00%	30.000	15,00%
Công ty Cổ phần Cảng Mipec (*)	1.875.000	3,00%	1.875.000	3,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco (i)		55,38%		55,38%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200790147 ngày 27 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco có vốn điều lệ là 1.600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco số tiền 886.050.000 VND, chiếm 55,38% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm). Theo biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco số 01/BBTV ngày 20/12/2020, Công ty đã chuyển quyền biểu quyết, quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, quyền bỏ nhiệm và bãi miễn các thành viên Hội đồng thành viên, quyền bỏ đa số phiếu trong các cuộc họp của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco cho ông I Wasaki Yoshinobu. Hiện tại Công ty chỉ còn quyền chia lãi (lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại là “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

(*) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec 29.275.500.000 VND, tương đương 3,00% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm). Trong đó, đầu tư bằng vốn nhận ủy thác đầu tư của Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương là 15.315.300.000 VND, tương đương 900.000 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Hải Minh	62.417	848.871.200	62.417	742.762.300
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	200.001	6.100.030.500	200.001	3.580.017.900
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	4.800	96.480.000	4.800	84.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	657.679.412	214.141.976
Trích lập dự phòng bổ sung	-	545.197.342
Hoàn nhập dự phòng	(43.816.734)	(45.484.606)
Số cuối kỳ	<u>613.862.678</u>	<u>713.854.712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	14.013.296.406	14.334.522.703
Công ty TNHH Goldstar Marine	13.202.819.021	12.966.133.980
Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Hòa Phát	-	3.543.444.695
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tự Thành	-	3.297.459.144
Maersk line a/s	7.257.900.482	6.613.124.057
Công ty TNHH Cảng Phước Long	654.678.640	2.602.136.953
Các khách hàng khác	12.146.821.945	17.330.542.666
Cộng	47.275.516.494	60.687.364.198

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải	-	1.131.317.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Phương Mai	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	339.069.921	1.224.581.017
Cộng	3.339.069.921	5.355.898.017

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho vay tổ chức và cá nhân, không có tài sản đảm bảo. Các khoản cho vay cá nhân có lãi suất từ 7% - 7,5%/năm.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais (không tính lãi)	400.000.000	500.000.000
Bà Cao Thúy Vân	-	87.359.375
Các nhân viên khác	174.531.225	199.902.231
Cộng	574.531.225	787.261.606

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	139.648.427	-	1.789.846.064	(1.430.000.000)
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - Thành viên HĐQT - Tạm ứng	-	-	1.430.000.000	(1.430.000.000)
Ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc - Tạm ứng	-	-	40.800.000	-
Ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc - Phải thu tiền thẻ Visa	139.648.427	-	319.046.064	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	22.369.654.642	(329.677.301)	24.038.310.081	(793.113.882)
Vật tư thiếu chờ xử lý	24.848.280	-	24.848.280	-
Tạm ứng	1.310.987.868	(178.898.281)	1.441.034.364	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi ⁽ⁱ⁾	1.132.754.250	-	1.222.754.250	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais ⁽ⁱⁱ⁾	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect	200.001.000	-	1.077.274.500	-
Tạm tính doanh thu	1.615.104.294	-	1.194.099.702	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	56.891.069	-	33.502.029	-
Ký cược, ký quỹ	202.108.000	-	202.108.000	-
Công ty Cổ phần Hải Minh - Cổ tức được chia	-	-	62.417.000	-
Teng Lay Dry Port Co., Ltd ^(iv)	133.299.757	-	194.906.760	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.193.660.124 (150.779.020)	-	1.065.226.790 (793.113.882)	-
Cộng	22.509.303.069 (329.677.301)		25.828.156.145 (2.223.113.882)	

- (i) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi về lãi đặt cọc, lương và BHXH, tiền ăn ca chi hộ.
- (ii) Khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais theo hợp đồng số 24/UTMBCP ngày 12/11/2014 để mua 95.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi với giá mua 100.000 VND/CP, thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 12/11/2014 đến ngày 12/01/2015. Ngày 06/9/2021, Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais đã hoàn thành công việc được ủy thác.
- (iii) Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư MLU theo hợp đồng cung cấp dịch vụ số 37/2016/HDDV/MAC-MLU ngày 13/9/2016 về việc tìm kiếm và cung cấp hồ sơ về các dự án đầu tư kho bãi tại TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, thời hạn thực hiện hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Cổ phần Đầu tư MLU chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận hợp đồng.
- (iv) Vật tư xuất cho Teng Lay Dry Port Co., Ltd theo hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ giữa Công ty và Teng Lay Dry Port Co., Ltd ngày 03/3/2013 để cùng cung cấp dịch vụ sửa chữa container tại cảng/bãi Teng Lay tại Phum Chumpu Voan, Phnom Penh, Cambodia và Công ty được hưởng 49% lợi nhuận từ hoạt động này, thời hạn thực hiện hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 01/10/2013. Các bên tự theo dõi doanh thu, chi phí phát sinh và cùng xác định kết quả hợp tác kinh doanh định kỳ 6 tháng/1 lần.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi ⁽ⁱ⁾	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	70.360.000	-	53.200.000	-
Cộng	35.070.360.000		35.053.200.000	

- (i) Khoản vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC ngày 22/04/2015 để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng xe nâng, máy móc thiết bị và các trang thiết bị phục vụ sản xuất, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (sau đây gọi là "MTC") sẽ góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong quá trình thực hiện, Công ty đã ký bổ sung 8 phụ lục hợp đồng, cụ thể:

- Phụ lục số 01/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 22/4/2015 thỏa thuận Công ty sẽ ứng vốn cho MTC số tiền 10.000.000.000 VND để bổ sung vốn đầu tư hệ thống hạ tầng mặt bãi, điện nước... và sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian từ 03 đến 05 năm thông qua đối trừ kết quả sản xuất kinh doanh;
- Phụ lục số 02/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 06/07/2015 thỏa thuận Công ty sẽ ứng thêm vốn cho MTC số tiền 25.000.000.000 VND để bổ sung đầu tư phần diện tích 3,5 ha và thống nhất trong giai đoạn đầu tỷ lệ phân chia lợi nhuận giữa Công ty và MTC là 70/30;
- Phụ lục số 03/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 10/06/2016, Phụ lục số 04/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 10/01/2017, Phụ lục số 05/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 01/04/2017 thỏa thuận do MTC chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng nên chưa thực hiện theo hợp đồng số 05-15, Công ty cho MTC thuê xe nâng để triển khai dịch vụ khai thác bãi từ ngày 01/05/2016 cho hãng tàu Maersk Line tại bãi MTC;
- Phụ lục số 06/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 19/05/2017 thỏa thuận MTC sẽ cung cấp dịch vụ nâng hạ phục vụ sửa chữa container của hãng tàu Maersk Line tại bãi MTC cho Công ty;
- Phụ lục số 07/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 31/12/2019 thỏa thuận 2 bên sẽ hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 3,5 ha tại lô đất 4,5 ha và thống nhất thời gian thực hiện giai đoạn hai từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2035 với tỷ lệ phân chia lợi nhuận giữa Công ty và MTC là 70/30. Đồng thời Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian tối thiểu 15 năm nhưng không vượt quá 20 năm tính từ ngày 22/04/2015 thông qua việc đối trừ kết quả sản xuất kinh doanh giữa hai bên;
- Phụ lục số 08/TC/PLHĐ/MTC-MAC ngày 31/12/2020 thỏa thuận 2 bên sẽ hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 2,2 ha tại lô đất 4,3 ha và thống nhất thời gian thực hiện giai đoạn ba từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian 15 năm từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035 thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi. Ngày 27/8/2021, HĐQT đã ban hành nghị quyết số 14.08/NQ-HĐQT về việc đàm phán lại Phụ lục 08 với MTC về phương thức hợp tác kinh doanh trong thời gian tới.

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bên liên quan (quá hạn trên 3 năm)	-	-	1.430.000.000	(1.430.000.000)
Nguyễn Hữu Vĩnh - Thành viên HĐQT - Tạm ứng	-	-	1.430.000.000	(1.430.000.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	14.044.555.620	(10.871.829.523)	27.089.823.323	(23.765.124.960)
Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Hòa Phát	-	-	3.543.444.695	(3.543.444.695)
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tự Thành	-	-	3.297.459.144	(3.297.459.144)
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng	-	-	1.892.531.640	(1.892.531.640)
Công ty TNHH Goldstar Marine	13.202.819.021	(10.507.152.221)	12.966.133.980	(9.641.435.617)
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải	-	-	1.131.317.000	(1.131.317.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác (quá hạn trên 3 năm)	841.736.599	(364.677.302)	4.258.936.864	(4.258.936.864)
Cộng	14.044.555.620	(10.871.829.523)	28.519.823.323	(25.195.124.960)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	25.195.124.960	20.575.134.719
Trích lập dự phòng bổ sung	1.079.614.885	2.112.816.945
Sử dụng dự phòng	(15.402.910.322)	-
Số cuối kỳ	10.871.829.523	22.687.951.664

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	560.744.193	-	267.369.322	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.447.276.081	-	15.401.267.006	-
Công cụ, dụng cụ	1.101.239.780	-	1.521.557.227	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	620.068.594	-	2.045.165.914	-
Hàng gửi đi bán	41.197.411	-	42.190.120	-
Cộng	15.770.526.059	-	19.277.549.589	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	273.771.659	363.125.805
Chi phí bảo hộ lao động	57.544.313	116.304.431
Chi phí bảo hiểm	27.426.562	49.452.832
Chi phí sửa chữa	31.036.802	11.967.014
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.122.866	45.445.007
Cộng	428.902.202	586.295.089

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	32.547.202.354	4.836.463.120	29.211.469.531	242.786.000	156.093.572	66.994.014.577
Đầu tư XDCB hoàn thành	736.966.871	-	-	-	-	736.966.871
Thanh lý	(2.189.404.974)	-	-	-	-	(2.189.404.974)
Số cuối kỳ	31.094.764.251	4.836.463.120	29.211.469.531	242.786.000	156.093.572	65.541.576.474

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

	1.957.271.914	2.738.105.589	2.162.492.075	35.496.000	-	6.893.365.578
--	---------------	---------------	---------------	------------	---	---------------

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	14.597.634.751	3.798.749.586	18.085.829.507	84.066.357	46.828.072	36.613.108.273
Khấu hao trong kỳ	1.134.960.131	135.713.549	1.393.380.987	15.843.572	7.804.679	2.687.702.918
Thanh lý	(689.145.105)	-	-	-	-	(689.145.105)
Số cuối kỳ	15.043.449.777	3.934.463.135	19.479.210.494	99.909.929	54.632.751	38.611.666.086

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.949.567.603	1.037.713.534	11.125.640.024	158.719.643	109.265.500	30.380.906.304
Số cuối kỳ	16.051.314.474	901.999.985	9.732.259.037	142.876.071	101.460.821	26.929.910.388
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.938.903.160 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	633.632.000	2.029.060.000	2.662.692.000
Số cuối kỳ	633.632.000	2.029.060.000	2.662.692.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	40.000.000	40.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	437.812.000	437.812.000
Khấu hao trong kỳ	-	198.906.000	198.906.000
Số cuối kỳ	-	636.718.000	636.718.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	633.632.000	1.591.248.000	2.224.880.000
Số cuối kỳ	633.632.000	1.392.342.000	2.025.974.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 633.632.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Hải Phòng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	1.347.638.346	457.328.525	(736.966.871)	1.068.000.000
Phần mềm PERP	1.068.000.000	-	-	1.068.000.000
Mở rộng xưởng tại Quận 9	200.786.068	30.000.000	(230.786.068)	-
Xây dựng xưởng Bình Chiểu	78.852.278	427.328.525	(506.180.803)	-
Cộng	1.347.638.346	457.328.525	(736.966.871)	1.068.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco	1.161.090.943	1.343.201.550
Công ty Cổ phần Kim Khí Bắc Việt	2.574.780.656	1.778.865.290
Teng Lay Dry Port Co., Ltd	4.063.168.312	1.348.561.929
Các nhà cung cấp khác	6.591.931.144	6.346.910.837
Cộng	14.390.971.055	10.817.539.606

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	914.740.343	-	2.039.238.037	(2.291.315.642)	662.662.738	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.488.426	-	-	(125.000.000)	-	2.511.574
Thuế thu nhập cá nhân	56.097.409	21.615.655	84.972.240	(191.692.496)	-	72.238.502
Tiền thuê đất	850.206.000	-	1.962.583.575	(1.206.831.075)	1.605.958.500	-
Thuế môn bài	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Cộng	1.943.532.178	21.615.655	4.087.793.852	(3.815.839.213)	2.268.621.238	74.750.076

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu cung cấp nước ngoài	0%
- Doanh thu cung cấp nước ngọt	5%
- Doanh thu khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.499.033.463)	(3.480.762.529)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.623.973.036	2.132.475.629
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	1.658.684
Chi phí không được trừ	323.685.818	18.000.000
Chi phí dự phòng	1.079.614.885	2.112.816.945
Lỗi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền, nợ phải thu	220.672.333	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(3.875.060.427)	(1.348.286.900)
Thu nhập được miễn thuế	(200.001.000)	(324.460.333)
Thu nhập tính thuế	(4.075.061.427)	(1.672.747.233)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	5.956.576	16.319.551
Chi phí trích trước tạm tính nguyên giá phần mềm vĩnh cửu	360.312.000	360.312.000
Maserco Myanmar - Tạm tính chi phí dịch vụ	833.022.648	233.996.480
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	46.882.033	21.657.757
Cộng	<u>1.246.173.257</u>	<u>632.285.788</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	151.379.742	120.791.442
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	116.533.622	138.539.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	256.937.200	594.267.497
<i>Trong đó: Phân chia hoạt động HTKD</i>	-	337.330.297
<i>Lương và BHXH chi hộ</i>	256.937.200	256.937.200
Cổ tức năm 2020 phải trả	3.027.949.000	3.027.949.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương - Nhận ủy thác mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Mipeco (*)	15.315.300.000	15.315.300.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải - Đặt cọc thuê bãi tại 173 Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	316.800.000	316.800.000
Teng lay Cambodia - Mượn vật tư	1.986.624.949	2.261.036.090
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	553.780.432	724.916.183
Cộng	<u>21.725.304.945</u>	<u>22.499.599.212</u>

(*) Tiền nhận ủy thác của Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương theo hợp đồng ủy thác mua bán cổ phần số 08/UTMBCP ngày 12/02/2019 để mua 900.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Mipeco với giá mua 17.017 VND/CP, thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày ngày 12/02/2019 đến ngày 20/05/2019, được gia hạn đến ngày 31/10/2021 theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/4/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	4.696.363.576	4.633.452.379
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	1.048.773.168	2.211.613.974
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.688.921.868	3.671.546.987
Cộng	7.434.058.612	10.516.613.340

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/8971449/HĐTD ngày 05/03/2021 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với hạn mức tín dụng tối đa 15.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh số V.2a).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-210010917 ngày 05/02/2021 để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng tối đa 12.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC476700 với diện tích 779,7 m² tại thửa đất số 97/48 Khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP.HCM và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG669606 với diện tích 110 m² tại thửa đất số 10 Khu TĐC Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng (xem thuyết minh số V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-MASERCO ngày 18/10/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng tối đa 20.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và được gia hạn đến hết 31/03/2021 theo văn bản sửa đổi bổ sung ngày 10/03/2021. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định trong từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe nâng, xe tải, xe 7 chỗ thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	10.516.613.340	26.336.018.439
Số tiền vay phát sinh	18.279.019.827	36.617.910.119
Số tiền vay đã trả	(21.361.574.555)	(43.341.628.966)
Số cuối kỳ	7.434.058.612	19.612.299.592

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng, phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	978.426.986	570.186.377
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	334.321.990	1.204.621.409
Chi quỹ	(645.924.200)	(287.814.400)
Số cuối kỳ	666.824.776	1.486.993.386

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	151.397.450.000	(643.572.900)	14.117.746.134	22.862.255	6.023.470.326	170.917.955.815
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(3.480.762.529)	(3.480.762.529)
Trích lập các quỹ	-	-	240.924.282	-	(1.445.545.691)	(1.204.621.409)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.597.821.500)	(10.597.821.500)
Số dư cuối kỳ trước	<u>151.397.450.000</u>	<u>(643.572.900)</u>	<u>14.358.670.416</u>	<u>22.862.255</u>	<u>(9.500.659.394)</u>	<u>155.634.750.377</u>
Số dư đầu năm nay	151.397.450.000	(643.572.900)	14.358.670.416	22.862.255	(10.470.343.113)	154.665.066.658
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(5.499.033.463)	(5.499.033.463)
Trích lập các quỹ	-	-	334.321.990	-	(668.643.980)	(334.321.990)
Số dư cuối kỳ này	<u>151.397.450.000</u>	<u>(643.572.900)</u>	<u>14.692.992.406</u>	<u>22.862.255</u>	<u>(16.638.020.556)</u>	<u>148.831.711.205</u>

19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.139.745	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.139.745	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.139.745	15.139.745

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 334.321.990
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 334.321.990

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

20a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 253.363,17 USD (số đầu năm là 126.122,33 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu cung cấp dịch vụ.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco</i>		
Cước vận chuyển	325.445.733	-

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cung cấp dịch vụ.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	70.817.269	82.273.973
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.131.795	5.804.002
Lãi tiền cho vay	6.046.176	6.345.328
Lãi đầu tư trái phiếu	34.690.410	44.899.999
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.001.000	324.460.333
Cộng	319.686.650	463.783.635

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	381.768.963	971.031.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	228.966.770	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(43.816.734)	499.712.736
Cộng	566.918.999	1.470.744.213

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	96.101.201	151.685.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.784.658	110.684.124
Các chi phí khác	18.853.916	2.526.876
Cộng	251.739.775	264.896.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.016.493.474	4.068.798.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.945.466	31.242.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	350.574.378	339.117.291
Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	1.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	1.079.614.885	2.112.816.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.917.118	431.425.679
Tiền thuê đất	837.386.500	512.275.000
Các chi phí khác	558.104.002	675.190.927
Cộng	7.308.035.823	8.171.866.249

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	3.072.000
Vật tư thu hồi	204.266.712	-
Thu đền bù trừ qua lương	7.195.998	4.456.058
Tiền phạt trách nhiệm nhân viên	930.000	20.416.400
Các khoản nợ không phải trả	-	139.901.399
Thu nhập khác	39.019.319	7.954.937
Cộng	251.412.029	175.800.794

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.196.843.437	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	1.658.684
Vật tư hỏng không thu hồi được	36.018.562	-
Chi phí khác	323.816.079	18.288.613
Cộng	1.556.678.078	19.947.297

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.499.033.463)	(3.480.762.529)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(167.160.995)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(5.499.033.463)	(3.647.923.524)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.139.745	15.139.745
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(363)	(241)

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các bút toán điều chỉnh hồi tố khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ (41) VND xuống còn (241) VND.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.343.639.266	19.771.225.059
Chi phí nhân công	16.057.048.372	20.344.718.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.886.608.918	2.792.800.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.350.657.891	4.628.381.186
Chi phí khác	4.941.555.483	3.840.790.316
Cộng	47.579.509.930	51.377.914.867

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Phụ cấp</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này				
Ông Nguyễn Văn Cường - Chủ tịch HĐQT (từ ngày 05/05/2021)/Giám đốc (đến ngày 04/05/2021)	130.434.000	30.000.000	2.400.000	162.834.000
Ông Tạ Mạnh Cường - Chủ tịch HĐQT (đến ngày 04/05/2021)/Thành viên HĐQT (từ ngày 05/05/2021)	82.628.000	30.000.000	1.560.000	114.188.000
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - Thành viên HĐQT	34.000.000	30.000.000	500.000	64.500.000
Ông Lê Phúc Tùng - Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Nguyễn Bảo Trung - Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Trần Việt Quân - Thành viên HĐQT (đến ngày 27/4/2021)	-	25.000.000	-	25.000.000
Ông Đặng Mỹ Dương - Thành viên HĐQT (đến ngày 27/4/2021) kiêm Phó Giám đốc	94.475.000	20.000.000	23.291.000	137.766.000
Ông Nguyễn Đỗ Đạt - Thành viên HĐQT (đến ngày 27/4/2021)	-	20.000.000	-	20.000.000
Bà Trần Thị Kim Ngân - Giám đốc (từ ngày 05/05/2021)	22.222.000	-	-	22.222.000
Bà Trần Thanh Nhân - Phó Giám đốc	90.397.000	-	2.280.000	92.677.000
Bà Lê Thị Hoàng Trinh - Trưởng BKS	-	15.000.000	-	15.000.000
Bà Vũ Thị Hậu - Kiểm soát viên	-	15.000.000	-	15.000.000
Bà Trịnh Thị Minh Phương - Kiểm soát viên (đến ngày 27/4/2021)	-	10.000.000	-	10.000.000
Cộng	<u>454.156.000</u>	<u>255.000.000</u>	<u>30.031.000</u>	<u>739.187.000</u>

Kỳ trước

Ông Tạ Mạnh Cường - Chủ tịch HĐQT (đến ngày 04/05/2021)/Thành viên HĐQT (từ ngày 05/05/2021)	37.800.000	30.000.000	-	67.800.000
Ông Nguyễn Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (đến ngày 04/05/2021)	132.406.300	30.000.000	2.460.000	164.866.300
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - Thành viên HĐQT	54.000.000	30.000.000	-	84.000.000
Ông Lê Phúc Tùng - Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Nguyễn Bảo Trung - Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Trần Việt Quân - Thành viên HĐQT (đến ngày 27/4/2021)	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Đặng Mỹ Dương - Thành viên HĐQT (đến ngày 27/4/2021) kiêm Phó Giám đốc	94.766.600	30.000.000	22.100.000	146.866.600
Ông Nguyễn Đỗ Đạt - Thành viên HĐQT (trước ngày 27/4/2021)	-	30.000.000	-	30.000.000
Bà Trần Thanh Nhân - Phó Giám đốc	93.802.900	-	14.812.100	108.615.000
Bà Lê Thị Hoàng Trinh - Trưởng BKS	41.580.000	15.000.000	5.940.000	62.520.000
Bà Vũ Thị Hậu - Kiểm soát viên	-	15.000.000	-	15.000.000
Bà Trịnh Thị Minh Phương - Kiểm soát viên (đến ngày 27/4/2021)	-	15.000.000	-	15.000.000
Cộng	<u>454.355.800</u>	<u>285.000.000</u>	<u>45.312.100</u>	<u>784.667.900</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Công ty không có bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

2a. Các sai sót

Một số công nợ phải thu quá hạn lâu ngày chưa được trích lập dự phòng đúng kỳ.

Ngoài ra, trong các năm trước một số vật tư, hàng hóa đã sử dụng nhưng vẫn được trình bày trong hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm trước.

2b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ					
Tiền	111	7.277.542.907	(319.214.364)	6.958.328.543	(v)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	60.620.066.741	67.297.457	60.687.364.198	(v)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.542.770.373	(186.872.356)	5.355.898.017	(v)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	287.261.606	500.000.000	787.261.606	(v)
Phải thu ngắn hạn khác	136	25.809.112.094	19.044.051	25.828.156.145	(v)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(11.996.061.646)	(13.199.063.314)	(25.195.124.960)	(i)
Hàng tồn kho	140	31.224.561.831	(11.947.012.242)	19.277.549.589	(ii)
Tài sản cố định vô hình	227	633.632.000	1.591.248.000	2.224.880.000	(iii)
Nguyên giá	228	673.632.000	1.989.060.000	2.662.692.000	
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(40.000.000)	(397.812.000)	(437.812.000)	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.976.386.346	(1.628.748.000)	1.347.638.346	(iii)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(112.482.070)	(545.197.342)	(657.679.412)	(iv)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	548.296.988	37.998.101	586.295.089	(v)
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.073.977.742	(37.998.101)	1.035.979.641	(v)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10.736.938.505	80.601.101	10.817.539.606	(v)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10.305.702	(176.000)	10.129.702	(v)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	37.977.308	594.308.480	632.285.788	(v)
Phải trả ngắn hạn khác	319	22.733.597.705	(233.998.493)	22.499.599.212	(v)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	15.618.910.085	(26.089.253.198)	(10.470.343.113)	(v)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ					
Giá vốn hàng bán	11	45.844.985.700	198.906.000	46.043.891.700	(v)
Chi phí tài chính	22	925.546.871	545.197.342	1.470.744.213	(v)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.059.049.304	2.112.816.945	8.171.866.249	(v)
Chi phí khác	32	19.778.997	168.300	19.947.297	(v)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(623.673.942)	(2.857.088.587)	(3.480.762.529)	(v)

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
Các điều chỉnh bao gồm:
Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi lũy kế đến 31/12/2019 8.577.388.073
Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi năm 2020 4.621.675.241
Cộng **13.199.063.314**
- (ii) Ghi nhận bổ sung chi phí vật tư đã sử dụng.
- (iii) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Các điều chỉnh bao gồm:
Trích trước chi phí phần mềm PERP khi đưa vào sử dụng 360.312.000
Kết chuyển phần mềm PERP đã hoàn thành đưa vào sử dụng (1.989.060.000)
Cộng **(1.628.748.000)**
- (iv) Trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn năm 2020.
- (v) Ảnh hưởng của các điều chỉnh đến các chỉ tiêu liên quan.
- 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Văn Hải

Trần Thị Kim Ngân

